UBND PHƯỜNG GIÁ RAI
VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 26 /TB-VP

Giá Rai, ngày 07 tháng 10 năm 2026

THÔNG BÁO
Công khai danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phường ban hành năm 2026

Căn Luật Tiếp cận thông tin số 01/2026/QH16 ngày 23 tháng 4 năm 2026; Nghị định số 337/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin; Quyết định số 2271/QĐ-UBND ngày 22/9/2026 về việc ban hành Quy chế cung cấp thông tin cho công dân của Ủy ban nhân dân phường Giá Rai.

Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường thông báo công khai danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phường ban hành năm 2026, cụ thể như sau:

Stt	Số, ký hiệu văn bản	Ngày, tháng, năm ban hành	Tên văn bản	Hiệu lực thi hành
1	01/2026/NQ-HĐND	23/9/2026	Nghị quyết quy định định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn phường Giá Rai	04/10/2026
2	01/2026/QĐ-UBND	24/9/2026	Quyết định ban hành quy chế thực hiện dân chủ ở phường Giá Rai	05/10/2026

Danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phường ban hành năm 2026 được niêm yết công khai toàn văn bản tại Trung tâm Phục vụ hành chính công phường. Đồng thời cung cấp cho Trung tâm Công ích phường xây dựng tin, bài phát trên hệ thống loa truyền thanh của phường và đăng tải công khai bằng các hình thức khác.

Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường thông báo đến các cơ quan, đơn vị, người dân, doanh nghiệp được biết ./.

(gửi kèm theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 23/9/2026 của Hội đồng nhân dân phường ban hành quy định định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn phường Giá Rai; Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 24/9/2026 ban hành quy chế thực hiện dân chủ ở phường Giá Rai)

Nơi nhận:
- CT, các PCT UBND phường *(báo cáo);*
- Các đơn vị trực thuộc UBND phường;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công phường *(phối hợp);*
- Trung tâm Công ích phường *(phối hợp);*
- Công an phường;
- Ban Chỉ huy Quân sự phường;
- CVP, PCVP HĐND và UBND phường;
- Trang Thông tin điện tử phường;
- Trưởng các khóm;
- Lưu: VT (Lỹ).

CHÁNH VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN
P. GIÁ RAI - T. CÀ MAU

Nguyễn Kha Đa

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **PHƯỜNG GIÁ RAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2026/NQ-HĐND	*Giá Rai, ngày 23 tháng 9 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Quy định định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn phường Giá Rai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 211/TTr-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Giá Rai về dự thảo Nghị quyết quy định định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn phường Giá Rai; Báo cáo thẩm tra số 26/BC-BVHXH ngày 19 tháng 9 năm 2026 của Ban Văn hóa – Xã hội Hội đồng nhân dân phường; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn phường Giá Rai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn phường Giá Rai, gồm: nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường, quyết định của Ủy ban nhân dân phường theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày

17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị được phân công thực hiện nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân phường, Ủy ban nhân dân phường.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của phường Giá Rai.

Điều 3. Tổng định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

1. Định mức khoán chi đối với văn bản quy phạm pháp luật ban hành mới hoặc thay thế

a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường: 10.000.000 đồng/văn bản;

b) Quyết định của Ủy ban nhân dân phường: 8.000.000 đồng/văn bản;

2. Định mức khoán chi đối với văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung

a) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 văn bản quy phạm pháp luật trở lên, mức chi bằng 100% tổng mức chi đối với từng loại văn bản quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật, mức chi bằng 60% tổng mức chi đối với từng loại văn bản quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật, mức chi bằng 30% tổng mức chi đối với từng loại văn bản quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 4. Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

1. Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật là nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường, quyết định của Ủy ban nhân dân phường.

a) Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường ban hành mới, thay thế thực hiện theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này;

b) Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân phường ban hành mới, thay thế thực hiện theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này;

c) Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 văn bản quy phạm pháp luật trở lên thực hiện theo Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết này;

d) Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết này;

đ) Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần và bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Người đứng đầu các cơ quan: chủ trì soạn thảo; cơ quan thẩm định; cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành; cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm tra, thông qua văn bản quy phạm pháp luật căn cứ tình hình thực tế và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này để quyết định mức chi đối với từng hoạt động, sản phẩm cụ thể do đơn vị mình thực hiện, đảm bảo không vượt quá tổng định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này.

Điều 5. Lập dự toán, quyết toán và kinh phí thực hiện

1. Hàng năm, Ủy ban nhân dân phường lập dự toán đối với kinh phí bảo đảm công tác xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân phường, Ủy ban nhân dân phường trình cấp có thẩm quyền quyết định phân bổ theo quy định.

2. Việc thanh, quyết toán theo phương thức khoán chi đối với từng nhiệm vụ, hoạt động quy định tại Điều 4 Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP và các văn bản có liên quan.

3. Nguồn kinh phí khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của phường do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật hiện hành, được bố trí trong dự toán hàng năm.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 04 tháng 10 năm 2026.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân phường tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân phường lập dự toán, quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm đúng quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân phường giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân phường Giá Rai khóa II, Kỳ họp thứ 4 (chuyên đề) thông qua ngày 23 tháng 9 năm 2026.

Nơi nhận:
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Đảng ủy phường;
- Thường trực HĐND phường;
- UBND phường;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam phường;
- Các Ban HĐND phường;
- Các đại biểu HĐND phường;
- Các đơn vị trực thuộc UBND phường;
- Văn phòng HĐND và UBND phường;
- Trang thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

H.Đ.N.D PHƯỜNG GIÁ RAI T. CÀ MAU

Lê Minh Hải

Phụ lục I

ĐỊNH MỨC KHOÁN CHI CHO NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG BAN HÀNH MỚI, THAY THẾ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 23 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Giá Rai)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Tỷ lệ	Định mức khoán chi
1	Soạn thảo văn bản	50%	5.000.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	10%	1.000.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình	10%	1.000.000
4	Thẩm tra	20%	2.000.000
5	Thông qua	10%	1.000.000

Phụ lục II

ĐỊNH MỨC KHOÁN CHI CHO NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BAN HÀNH MỚI, THAY THẾ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 23 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Giá Rai)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Tỷ lệ	Định mức khoán chi
1	Soạn thảo văn bản	70%	5.600.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	15%	1.200.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành	15%	1.200.000

Phụ lục III

ĐỊNH MỨC KHOÁN CHI CHO NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI VIỆC XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA 02 VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TRỞ LÊN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 23 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Giá Rai)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Tỷ lệ	Định mức khoán chi
I	**ĐỐI VỚI NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**	**100%**	**10.000.000**
1	Soạn thảo văn bản	50%	5.000.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	10%	1.000.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình	10%	1.000.000
4	Thẩm tra	20%	2.000.000
5	Thông qua	10%	1.000.000
II	**ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN**	**100%**	**8.000.000**
1	Soạn thảo văn bản	70%	5.600.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	15%	1.200.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành	15%	1.200.000

Phụ lục IV

ĐỊNH MỨC KHOÁN CHI CHO NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI VIỆC XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA 01 VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 23 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Giá Rai)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Tỷ lệ	Định mức khoán chi
I	**ĐỐI VỚI NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**	**100%**	**6.000.000**
1	Soạn thảo văn bản	50%	3.000.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	10%	600.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình	10%	600.000
4	Thẩm tra	20%	1.200.000
5	Thông qua	10%	600.000
II	**ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN**	**100%**	**4.800.000**
1	Soạn thảo văn bản	70%	3.360.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	15%	720.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành	15%	720.000

Phụ lục V

ĐỊNH MỨC KHOÁN CHI CHO NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI VIỆC XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT BÃI BỎ MỘT PHẦN HOẶC BÃI BỎ TOÀN BỘ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 23 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Giá Rai)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Tỷ lệ	Định mức khoán chi
I	**ĐỐI VỚI NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**	**100%**	**3.000.000**
1	Soạn thảo văn bản	50%	1.500.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	10%	300.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình	10%	300.000
4	Thẩm tra	20%	600.000
5	Thông qua	10%	300.000
II	**ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN**	**100%**	**2.400.000**
1	Soạn thảo văn bản	70%	1.680.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	15%	360.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành	15%	360.000

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG GIÁ RAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 01/2026/QĐ-UBND	*Giá Rai, ngày 24 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở phường Giá Rai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 97/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 59/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội tại Tờ trình số 465/TTr-VHXH ngày 15 tháng 9 năm 2026.

Ủy ban nhân dân phường ban hành Quyết định ban hành Quy chế thực hiện dân chủ cơ sở ở phường Giá Rai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thực hiện dân chủ cơ sở ở phường Giá Rai.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2026.

2. Các Quyết định sau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, bao gồm:

a) Quyết định số 310/2023/QĐ-UBND, ngày 23 tháng 10 năm 2023 ban hành quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn Phường 1;

b) Quyết định số 67/2024/QĐ-UBND, ngày 05/6/2024 ban hành quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn xã Phong Thạnh;

c) Quyết định số 97/2023/QĐ-UBND, ngày 26/10/2023 ban hành quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn xã Phong Thạnh A;

d) Quyết định số 136a/QĐ-UBND, ngày 30/8/2023 ban hành quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn phường Hộ Phòng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường, Trưởng phòng Văn hoá - Xã hội phường, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Ủy

ban nhân dân phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ (để b/c);
- Sở Tư pháp (để b/c);
- Thường trực Đảng ủy phường;
- Thường trực HĐND phường;
- CT, các PCT UBND phường;
- Các cơ quan, ban, ngành trên địa bàn phường;
- Trang Thông tin điện tử phường;
- Trưởng các khóm;
- Lưu: VT, PVHXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG GIÁ RAI T. BẠC LIÊU

Trần Tam Trung

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG GIÁ RAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ
Thực hiện dân chủ ở phường Giá Rai
(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về nội dung, cách thức thực hiện dân chủ ở phường Giá Rai; trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân địa bàn phường trong việc bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở phường Giá Rai.

2. Đối tượng áp dụng: Mọi công dân cư trú trên địa bàn phường; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trên địa bàn phường có liên quan đến thực hiện dân chủ cơ sở phường Giá Rai.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện dân chủ

1. Bảo đảm quyền của công dân được biết, tham gia ý kiến, quyết định và kiểm tra, giám sát việc thực hiện dân chủ ở phường Giá Rai.

2. Thực hiện dân chủ ở phường Giá Rai phải bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng ủy, quản lý của Ủy ban nhân dân, vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và các tổ chức chính trị - xã hội phường trong thực hiện dân chủ.

3. Thực hiện dân chủ ở phường Giá Rai trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm trật tự, kỷ cương, không cản trở hoạt động bình thường của chính quyền địa phương.

4. Bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

5. Bảo đảm công khai, minh bạch, tăng cường trách nhiệm giải trình trong quá trình thực hiện dân chủ ở phường Giá Rai.

6. Tôn trọng ý kiến đóng góp của Nhân dân, kịp thời giải quyết kiến nghị, phản ánh của Nhân dân.

Điều 3. Quyền của công dân trong thực hiện dân chủ ở phường

1. Được công khai thông tin và yêu cầu cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định của pháp luật.

2. Đề xuất sáng kiến, tham gia ý kiến, bàn và quyết định đối với các nội dung thực hiện dân chủ ở phường theo quy định của Quy chế này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Kiểm tra, giám sát, kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, khởi kiện đối với các quyết định, hành vi vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở phường theo quy định của pháp luật.

4. Được công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp trong thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nghĩa vụ của công dân trong thực hiện dân chủ ở phường

1. Tuân thủ quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ.

2. Tham gia ý kiến về các nội dung được đưa ra lấy ý kiến ở phường theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, các quy định khác của pháp luật có liên quan và quy định của Quy chế này.

3. Chấp hành quyết định của cộng đồng dân cư, chính quyền địa phương.

4. Kịp thời kiến nghị, phản ánh, tố cáo đến cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở phường.

5. Tôn trọng và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Điều 5. Biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở phường

1. Bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho người được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện pháp luật về thực hiện dân chủ ở phường.

2. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thực hiện dân chủ ở phường; nâng cao nhận thức cộng đồng về việc bảo đảm thực hiện dân chủ ở phường.

3. Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, vai trò nêu gương của người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý, đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách trong việc thực hiện dân chủ và bảo đảm thực hiện dân chủ ở phường; lấy mức độ thực hiện dân chủ ở phường làm căn cứ đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

4. Kịp thời biểu dương, khen thưởng các gương điển hình, có nhiều thành tích trong việc phát huy và tổ chức thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở; phát hiện và xử lý nghiêm cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở phường.

5. Hỗ trợ, khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học - kỹ thuật, trang bị phương tiện kỹ thuật và bảo đảm các điều kiện cần thiết khác cho việc tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở phù hợp với tiến trình xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, xã hội số.

6. Các biện pháp khác phù hợp với tình hình thực tiễn của phường và không trái quy định pháp luật.

Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm trong thực hiện dân chủ ở phường

1. Gây khó khăn, phiền hà hoặc cản trở, đe dọa công dân thực hiện dân chủ.

2. Bao che, cản trở, trù dập hoặc thiếu trách nhiệm trong việc giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo; tiết lộ thông tin về người tố cáo, người cung cấp thông tin về hành vi vi phạm có liên quan đến việc thực hiện dân chủ ở phường.

3. Lợi dụng việc thực hiện dân chủ ở phường để thực hiện hành vi xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

4. Lợi dụng việc thực hiện dân chủ ở phường để xuyên tạc, vu khống, gây mâu thuẫn, kích động bạo lực, phân biệt vùng, miền, giới tính, tôn giáo, dân tộc, gây thiệt hại cho cá nhân, cơ quan, đơn vị, tổ chức.

5. Giả mạo giấy tờ, gian lận hoặc dùng thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả bàn, quyết định, tham gia ý kiến của công dân.

Điều 7. Xử lý vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở phường

1. Cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức vi phạm quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và quy định khác của pháp luật có liên quan đến thực hiện dân chủ ở cơ sở thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Cán bộ, công chức, viên chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn vi phạm quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường, bồi hoàn theo quy định của pháp luật.

Chương II
THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở PHƯỜNG GIÁ RAI

Mục 1
CÔNG KHAI THÔNG TIN Ở PHƯỜNG GIÁ RAI

Điều 8. Những nội dung phải công khai

Trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước hoặc thông tin chưa được công khai theo quy định của pháp luật, chính quyền địa phương phải công khai các nội dung sau đây:

1. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế hằng năm của phường và kết quả thực hiện.

2. Số liệu, báo cáo thuyết minh dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch hoạt động tài chính của Ủy ban nhân dân phường trình Hội đồng nhân dân phường; dự

toán ngân sách, kế hoạch hoạt động tài chính đã được Hội đồng nhân dân phường quyết định; số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách, phường định kỳ theo quý, 06 tháng, hằng năm; quyết toán ngân sách nhà nước và kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác đã được Hội đồng nhân dân phường phê chuẩn; kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước (nếu có).

3. Dự án, công trình đầu tư trên địa bàn phường và tiến độ thực hiện; kế hoạch thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất để thực hiện dự án, công trình đầu tư trên địa bàn phường; kế hoạch quản lý, sử dụng quỹ đất do phường quản lý; kế hoạch cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của phường; quy hoạch xây dựng phường và điểm dân cư văn hóa.

4. Quy chế thực hiện dân chủ phường; nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở phường; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân phường.

5. Việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình, dự án đối với địa bàn phường; các khoản huy động Nhân dân đóng góp.

6. Tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê, sử dụng, thu hồi, điều chuyển, chuyển đổi công năng, bán, thanh lý, tiêu hủy và hình thức xử lý khác đối với tài sản công do phường quản lý; tình hình khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công của Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân phường.

7. Chủ trương, chính sách, kế hoạch, tiêu chí, đối tượng, quy trình bình xét và kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ, trợ cấp, tín dụng để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, phát triển sản xuất, hỗ trợ xây dựng nhà ở, cấp thẻ bảo hiểm y tế và các chính sách an sinh xã hội khác được tổ chức triển khai trên địa bàn phường.

8. Thông tin về phạm vi, đối tượng, cách thức bình xét, xác định đối tượng, mức hỗ trợ, thời gian, thủ tục thực hiện phân phối các khoản hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố, thảm họa hoặc để hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo trên địa bàn phường; việc quản lý, sử dụng các nguồn đóng góp, quyên góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài dành cho các đối tượng trên địa bàn phường.

9. Số lượng, đối tượng, tiêu chuẩn gọi nhập ngũ; danh sách công dân đủ điều kiện nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; danh sách công dân được gọi nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; danh sách tạm hoãn gọi nhập ngũ, miễn gọi nhập ngũ trên địa bàn phường.

10. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tham nhũng, tiêu cực, vi phạm kỷ luật đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố; kết quả lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Trưởng ban của Hội đồng nhân dân phường, Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên Uỷ ban nhân dân phường.

11. Kế hoạch lấy ý kiến Nhân dân, nội dung lấy ý kiến, kết quả tổng hợp ý kiến và giải trình, tiếp thu ý kiến của Nhân dân đối với những nội dung Hội đồng

nhân dân, Uỷ ban nhân dân phường đưa ra lấy ý kiến Nhân dân quy định tại Điều 17 của Quy chế này.

12. Đối tượng, mức thu các loại phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phường trực tiếp thu.

13. Các thủ tục hành chính, thủ tục giải quyết công việc liên quan đến tổ chức, cá nhân do Ủy ban nhân dân phường trực tiếp thực hiện.

14. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Hình thức và thời điểm công khai thông tin

1. Căn cứ vào nội dung thông tin công khai, đối tượng cần tiếp cận thông tin mà cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện lựa chọn hình thức công khai thông tin phù hợp sau đây:

a) Niêm yết thông tin tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường Giá Rai;

b) Đăng tải trên Trang thông tin điện tử của phường Giá Rai (https://giarai.camau.gov.vn);

c) Phát tin trên hệ thống truyền thanh của phường Giá Rai;

d) Thông qua Trưởng các khóm trên địa bàn phường để thông báo đến công dân;

đ) Gửi văn bản đến công dân;

e) Thông qua hội nghị trao đổi, đối thoại giữa lãnh đạo Ủy ban nhân dân phường với Nhân dân trên địa bàn phường;

g) Thông qua việc tiếp công dân, tiếp xúc cử tri theo quy định pháp luật;

h) Thông báo đến các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội phường và các tổ chức khác để tổ chức phổ biến, tuyên truyền đến hội viên, đoàn viên;

i) Thông qua các trang mạng xã hội chính thống hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật;

k) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật và quy chế này.

2. Thời điểm công khai thông tin đối với từng lĩnh vực được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan và thực hiện theo quy định tại Luật Tiếp cận thông tin. Trường hợp pháp luật chưa có quy định thì chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định, văn bản của cơ quan có thẩm quyền về nội dung cần công khai, Ủy ban nhân dân phường phải tổ chức công khai thông tin.

Điều 10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân phường trong thực hiện việc công khai thông tin

1. Ủy ban nhân dân phường có kế hoạch thực hiện việc công khai thông tin, trong đó nêu rõ nội dung thông tin cần công khai, hình thức công khai, thời điểm, thời hạn công khai và trách nhiệm tổ chức thực hiện.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường chịu trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức thực hiện kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân phường thông qua; kiểm tra, đôn đốc và báo cáo Ủy ban nhân dân về kết quả thực hiện.

Trường hợp thông tin đã công khai có sự thay đổi, điều chỉnh thì nội dung thay đổi, điều chỉnh phải được kịp thời công khai theo quy định tại Mục này.

2. Ủy ban nhân dân phường có trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin đối với những thông tin trong thời hạn công khai nhưng chưa được công khai, thông tin hết thời hạn công khai theo quy định của pháp luật hoặc thông tin đang được công khai nhưng vì lý do bất khả kháng người yêu cầu không thể tiếp cận được.

3. Ủy ban nhân dân phường tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân về quá trình và kết quả thực hiện các nội dung công khai thông tin tại kỳ họp thường lệ gần nhất, đồng thời gửi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường để giám sát.

Mục 2
NHÂN DÂN BÀN VÀ QUYẾT ĐỊNH

Điều 10. Những nội dung Nhân dân bàn và quyết định

1. Chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình công cộng trong phạm vi địa bàn phường, khóm do Nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí, tài sản, công sức.

2. Việc thu, chi, quản lý các khoản đóng góp của Nhân dân tại cộng đồng dân cư ngoài các khoản đã được pháp luật quy định; việc thu, chi, quản lý các khoản kinh phí, tài sản do cộng đồng dân cư được giao quản lý hoặc được tiếp nhận từ các nguồn thu, tài trợ, ủng hộ hợp pháp khác.

3. Nội dung hương ước, quy ước của khóm.

4. Bầu, cho thôi làm Trưởng khóm, thành viên Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

5. Các công việc tự quản khác trong nội bộ cộng đồng dân cư không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội.

Điều 11. Trách nhiệm trong việc tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định và thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư

1. Ủy ban nhân dân phường có kế hoạch tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định các nội dung có phạm vi thực hiện trong địa bàn phường; Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường có trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư thuộc phạm vi phường; kiểm tra, theo dõi việc tổ chức thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư có phạm vi thực hiện trong khóm.

Ủy ban nhân dân phường tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân phường về việc tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định các nội dung có phạm vi thực hiện trong

địa bàn phường tại kỳ họp thường lệ gần nhất, đồng thời gửi đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phường để giám sát.

2. Trưởng các khóm trên địa bàn phường có trách nhiệm công khai kết quả biểu quyết hoặc kết quả tổng hợp phiếu lấy ý kiến của Nhân dân tại khóm; tổ chức thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư có phạm vi thực hiện trong khóm; báo cáo kết quả thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư đến Nhân dân ở khóm và đến Ủy ban nhân dân phường.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường có trách nhiệm hướng dẫn, giám sát việc tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định và thực hiện các nội dung Nhân dân bàn, quyết định.

4. Việc tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư; việc lấy ý kiến của hộ gia đình; việc biểu quyết trực tiếp tại khóm; quy trình bầu, cho thôi làm Trưởng các khóm việc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư thực hiện theo hướng dẫn và quy định của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

Điều 12. Trách nhiệm của Nhân dân tham gia bàn, quyết định các nội dung, công việc trên địa bàn phường

1. Công dân, hộ gia đình tích cực quan tâm đến công việc chung của khóm; có trách nhiệm tham gia hoặc cử đại diện hộ gia đình tham gia họp bàn, thảo luận, quyết định các nội dung có phạm vi thực hiện trong khóm và trên địa bàn phường; thực hiện nghiêm túc các nội dung thuộc trách nhiệm đã được cộng đồng dân cư quyết định.

2. Đại diện hộ gia đình có trách nhiệm tham dự các cuộc họp của khóm; tập hợp, nắm bắt ý kiến chung của các thành viên hộ gia đình để phản ánh, tham gia thảo luận tại cuộc họp hoặc thể hiện trên phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình; phổ biến, truyền đạt lại cho các thành viên hộ gia đình về kết quả bàn, thảo luận, quyết định của cộng đồng dân cư. Trường hợp thành viên hộ gia đình có ý kiến khác với ý kiến của đại diện hộ gia đình thì được đăng ký tham dự cuộc họp của khóm để thể hiện ý kiến, quan điểm của mình tại cuộc họp.

3. Đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hoạt động không chuyên trách có trách nhiệm tích cực, gương mẫu tham gia bàn và quyết định các nội dung có phạm vi thực hiện tại khóm trên địa bàn phường; có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc và tuyên truyền, hướng dẫn, vận động gia đình và các thành viên trong cộng đồng thực hiện các quyết định của cộng đồng dân cư.

4. Trường hợp nhận thấy quyết định của cộng đồng dân cư không bảo đảm trình tự, thủ tục hoặc có nội dung trái với quy định của pháp luật, không phù hợp với thuần phong, mỹ tục, đạo đức xã hội thì công dân có quyền kiến nghị, phản ánh đến Ủy ban nhân dân phường, Ban Thanh tra nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường.

Mục 3
NHÂN DÂN THAM GIA Ý KIẾN

Điều 13. Những nội dung Nhân dân tham gia ý kiến

1. Dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của phường; phương án chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất; và phương án phát triển ngành, nghề của phường.

2. Dự thảo quy hoạch sử dụng đất và phương án điều chỉnh; quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng và quy hoạch chung xây dựng phường; việc quản lý, sử dụng quỹ đất được giao cho Ủy ban nhân dân phường quản lý. Các chủ trương, chính sách đầu tư, xây dựng, đền bù, giải phóng mặt bằng, phương án tái định cư khi thu hồi đất để thực hiện dự án, công trình đầu tư trên địa bàn phường.

4. Dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, đặt tên, đổi tên đơn vị hành chính; dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia, đặt tên, đổi tên khóm, ghép cụm dân cư.

5. Dự thảo các chương trình, kế hoạch, đề án, quyết định và các văn bản khác có liên quan đến lợi ích cộng đồng, có nội dung tác động đến môi trường, sức khỏe của cộng đồng, trật tự, an toàn xã hội và những vấn đề khác có ảnh hưởng lớn đến cộng đồng dân cư.

6. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chính quyền địa phương thấy cần lấy ý kiến.

Điều 14. Trách nhiệm trong việc tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến

1. Ủy ban nhân dân phường có kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về các nội dung quy định tại Điều 13 của Quy chế này thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân phường, trong đó xác định rõ nội dung lấy ý kiến, hình thức lấy ý kiến, cách thức, thời hạn triển khai và trách nhiệm tổ chức thực hiện. Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân phải được gửi đến Hội đồng nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường.

Trường hợp tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan nhà nước cấp trên thì Ủy ban nhân dân phường tổ chức thực hiện việc lấy ý kiến theo các nội dung được giao trong kế hoạch lấy ý kiến của cơ quan chịu trách nhiệm lấy ý kiến.

2. Ủy ban nhân dân phường phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và các tổ chức chính trị - xã hội phường tổ chức thực hiện kế hoạch đã được thông qua. Thời gian lấy ý kiến Nhân dân ít nhất là 20 ngày kể từ ngày công khai nội dung lấy ý kiến. Trường hợp pháp luật có quy định cụ thể thời hạn lấy ý kiến Nhân dân thì thực hiện theo quy định đó.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường chịu trách nhiệm chỉ đạo việc tiếp nhận, tổng hợp ý kiến, thông tin phản hồi của Nhân dân; nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của Nhân dân về các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định

của cấp phường để quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phường quyết định và thực hiện việc công khai kết quả tổng hợp ý kiến của Nhân dân, nội dung giải trình, tiếp thu đến Nhân dân.

4. Đối với những nội dung do cơ quan có thẩm quyền giao cho chính quyền địa phương đưa ra lấy ý kiến Nhân dân thì Ủy ban nhân dân phường có trách nhiệm tổng hợp ý kiến và báo cáo với cơ quan có thẩm quyền về kết quả lấy ý kiến Nhân dân trên địa bàn. Cơ quan có thẩm quyền quyết định có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu ý kiến đóng góp của Nhân dân về những nội dung đã đưa ra lấy ý kiến; trường hợp quyết định có nội dung khác với ý kiến của đa số Nhân dân thì phải giải trình, nêu rõ lý do của việc không tiếp thu và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Nội dung giải trình, tiếp thu ý kiến của Nhân dân phải được gửi đến Ủy ban nhân dân phường để thực hiện việc công khai thông tin đến Nhân dân.

5. Ủy ban nhân dân phường tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp về việc tổ chức lấy ý kiến Nhân dân và kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ gần nhất, đồng thời gửi đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường để giám sát.

6. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường phối hợp với Ủy ban nhân dân phường trong việc thực hiện kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân và tổ chức hội nghị đối thoại với Nhân dân; trực tiếp hướng dẫn, thực hiện việc tổ chức lấy kiến Nhân dân đối với những nội dung thuộc trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường theo quy định của pháp luật. Đồng thời, giám sát việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân.

Điều 15. Trách nhiệm của Nhân dân trong việc tham gia ý kiến

1. Đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và mọi công dân cư trú trên địa bàn phường Giá Rai có trách nhiệm tích cực tham gia ý kiến về những nội dung liên quan trực tiếp đến đời sống của cộng đồng dân cư để làm cơ sở cho các cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương nói riêng và của tỉnh, của đất nước nói chung.

2. Cá nhân, hộ gia đình có trách nhiệm tham gia hoặc cử đại diện hộ gia đình tham dự họp bàn, thảo luận, thể hiện ý kiến đối với các nội dung theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

3. Công dân theo dõi, đánh giá, giám sát việc tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của Nhân dân trên địa bàn đối với những nội dung đã được đưa ra lấy ý kiến và quá trình tổ chức thực hiện quyết định của cơ quan có thẩm quyền đối với các nội dung này.

Mục 4
NHÂN DÂN KIỂM TRA, GIÁM SÁT

Điều 16. Những nội dung Nhân dân kiểm tra, giám sát

1. Công dân trực tiếp thực hiện kiểm tra việc tổ chức thực hiện các nội dung mà Nhân dân đã bàn và quyết định quy định tại Điều 10 của Quy chế này.

2. Công dân trực tiếp thực hiện giám sát việc tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở và việc thực hiện chính sách, pháp luật của chính quyền địa phương, cán bộ, công chức phường, người hoạt động không chuyên trách ở phường, ở khóm.

Điều 17. Trách nhiệm trong việc bảo đảm để Nhân dân thực hiện kiểm tra, giám sát

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân theo thẩm quyền hoặc trên cơ sở phản ánh, kiến nghị của công dân thực hiện việc kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân phường có trách nhiệm sau đây:

a) Tiếp nhận góp ý, kiến nghị, phản ánh của công dân, tổ chức; thực hiện kiểm tra, xem xét, giải quyết, giải trình và trả lời kịp thời phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân, tổ chức hoặc báo cáo, chuyển thông tin đến cơ quan có thẩm quyền đối với những vấn đề không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình;

b) Phối hợp cùng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, căn cứ vào yêu cầu, đặc điểm và điều kiện thực tế của địa phương xây dựng và ban hành quy định cụ thể hơn nội dung, cách thức thực hiện dân chủ làm cơ sở *(có thể mở rộng phạm vi thực hiện dân chủ ở phường nhưng không được trái hoặc hạn chế việc thực hiện các nội dung đã được quy định trong Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở)* để công dân kiểm tra, giám sát việc thực hiện;

c) Tạo điều kiện để Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các tổ chức tự quản khác của Nhân dân ở khóm thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật;

d) Có hình thức xử lý đối với người có hành vi cản trở công dân thực hiện quyền kiểm tra, giám sát chính đáng theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Hình thức kiểm tra, giám sát và trách nhiệm của Nhân dân trong việc tham gia kiểm tra, giám sát

1. Công dân trực tiếp thực hiện việc kiểm tra, giám sát thông qua các hình thức như:

a) Hoạt động lao động, sản xuất, học tập, công tác, sinh hoạt của công dân ở cộng đồng dân cư;

b) Quan sát thực tế, tìm hiểu, giao tiếp với cán bộ, công chức phường, người hoạt động không chuyên trách, các cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao quản lý hoặc thực hiện các nội dung Nhân dân đã bàn và quyết định;

c) Tiếp cận các thông tin được công khai, các thông tin, báo cáo của chính quyền địa phương;

d) Tham dự hội nghị trao đổi, đối thoại giữa lãnh đạo địa phương với Nhân dân, hội nghị tiếp xúc cử tri, hoạt động tiếp công dân; các cuộc họp khác của cộng đồng dân cư.

2. Công dân thực hiện việc kiểm tra, giám sát thông qua Mặt trận Tổ quốc phường, thông qua hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở phường, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các tổ chức tự quản khác ở địa phương được thành lập theo quy định của pháp luật.

3. Khi phát hiện hành vi, nội dung có dấu hiệu vi phạm, công dân có quyền phản ánh hoặc khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật đến chính quyền địa phương hoặc cán bộ, công chức phường, Trưởng khóm, Ban công tác Mặt trận ở khóm, các tổ chức, đoàn thể mà mình là thành viên, hội viên, đến đại biểu Hội đồng nhân dân hoặc phản ánh, đề nghị Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, tổ chức tự quản khác ở địa phương được thành lập theo quy định của pháp luật xem xét, thực hiện kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ.

3. Công dân chịu trách nhiệm về nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của mình; chủ động, tích cực phối hợp với Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm trong việc xác minh, kiểm tra, giám sát đối với các nội dung mà công dân đã kiến nghị, đề nghị.

Chương III
HÌNH THỨC THỰC HIỆN DÂN CHỦ

Điều 19. Hình thức dân chủ trực tiếp

Tùy theo nội dung công việc và trên cơ sở đề xuất của cá nhân, cơ quan, đơn vị tham mưu mà lựa chọn tổ chức để Nhân dân ở khóm bàn và quyết định bằng một trong các hình thức sau đây:

1. Tổ chức họp dân để thảo luận, biểu quyết:

a) Chủ trương, mức đóng góp xây dựng công trình công cộng không thuộc ngân sách nhà nước;

b) Bầu, cho thôi làm Trưởng khóm;

c) Công việc tự quản của cộng đồng dân cư;

d) Quy ước, hương ước của khóm;

đ) Các nội dung khác theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện phát phiếu lấy ý kiến của từng hộ gia đình trong trường hợp:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường quyết định lựa chọn hình thức phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình đối với nội dung công việc có phạm vi thực hiện trong địa bàn phường;

b) Khóm đã tổ chức cuộc họp mà không có đủ đại diện của số hộ gia đình tham dự để có thể đạt tỷ lệ biểu quyết tán thành tối thiểu theo quy định;

c) Các trường hợp khác do Trưởng khóm quyết định sau khi đã thống nhất với Ban Công tác Mặt trận khóm.

Điều 20. Hình thức dân chủ đại diện

1. Thông qua đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, Ban công tác Mặt trận phường.

2. Thông qua các tổ chức chính trị - xã hội phường.

3. Thông qua Ban Thanh tra Nhân dân, Ban Giám sát đầu tư cộng đồng.

4. Thông qua các Hội nghị tiếp xúc cử tri, hội nghị đối thoại với chính quyền địa phương.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân phường

1. Tổ chức thực hiện dân chủ trên địa bàn phường.

2. Giữ mối liên hệ chặt chẽ với Nhân dân và cộng đồng dân cư trên địa bàn phường.

3. Xem xét, giải quyết và trả lời kịp thời các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân, kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân ở phường, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường.

4. Kịp thời báo cáo cơ quan nhà nước cấp trên về những vấn đề không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình.

5. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Điều 22. Trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường

1. Tổ chức vận động Nhân dân thực hiện Quy chế này, hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư; tổ chức các phong trào thi đua về thực hiện dân chủ ở phường.

2. Tham gia, hỗ trợ, hướng dẫn Nhân dân thực hiện Quy chế này.

3. Tiếp nhận, tổng hợp khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của Nhân dân về thực hiện Quy chế này để chuyển đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; giám sát quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của Nhân dân.

4. Thực hiện giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hiện dân chủ ở phường.

5. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Điều 23. Trách nhiệm của các tổ chức chính trị - xã hội

1. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của hội viên, đoàn viên và Nhân dân về thực hiện dân chủ ở phường.

2. Tham gia, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện Quy chế này.

3. Thực hiện giám sát, phản biện xã hội đối với việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, việc thực hiện dân chủ ở phường của hội viên, đoàn viên.

Điều 24. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân phường chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phường đôn đốc, kiểm tra và giám sát việc thực hiện Quy chế này.

2. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; Trưởng khóm, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

3. Các trường hợp thực hiện dân chủ ở phường chưa được quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề chưa rõ hoặc vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, khóm báo cáo về Ủy ban nhân dân phường xem xét điều chỉnh Quy chế cho phù hợp./.